

Số: 2408/2023/CBTT-TDP

Hưng Yên, ngày 24 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Mã chứng khoán: TDP

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221. 3810.705

Người thực hiện công bố thông tin: Người được ủy quyền Ông Bùi Quang Sỹ

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại cơ quan: 0221. 3810.705

Điện thoại di động: 0983 057 777

Email: info@thuanducjsc.vn

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 và Giải trình kèm theo;

Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2023.

Toàn văn nội dung công bố thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <https://thuanducjsc.vn/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố  
và các tài liệu có liên quan

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu văn phòng.



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
BÙI QUANG SỸ**

## **Công ty Cổ phần Thuận Đức**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Thuận Đức

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 53

# Công ty Cổ phần Thuận Đức

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số 0900264799, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 được cấp ngày 17 tháng 7 năm 2023.

Theo Quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán "TDP" đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và chi nhánh tại số 851, khu phố Thủ Từ 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch	
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên	
Bà Nguyễn Kim Anh	Thành viên	
Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	
Ông Bùi Quang Sỹ	Thành viên	
Ông Trần Đăng Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Huy Hoàng	Trưởng ban	
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2023

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc	
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Đăng Duy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2023

# Công ty Cổ phần Thuận Đức

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Nguyễn Đức Cường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bùi Quang Sỹ, Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký các báo cáo tài chính của Công ty theo Giấy ủy quyền số 1801/2022/UQ-CTHĐQT ngày 18 tháng 1 năm 2022.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thuận Đức

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty và công ty con chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

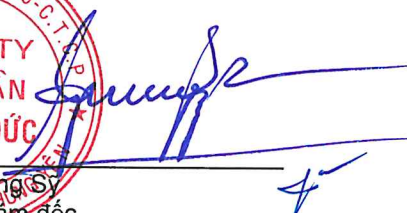
Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



  
Bùi Quang Sỹ  
Tổng Giám đốc

Hung Yên, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12122202/66920759/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thuận Đức**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") và công ty con được lập ngày 21 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Mạnh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.366.424.628.954</b>	<b>2.320.048.883.518</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>319.855.314.389</b>	<b>353.696.089.746</b>
111	1. Tiền		39.355.314.389	66.496.089.746
112	2. Các khoản tương đương tiền		280.500.000.000	287.200.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>394.922.126.125</b>	<b>342.107.575.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	394.922.126.125	342.107.575.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>473.423.935.188</b>	<b>623.314.640.427</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	287.639.832.103	349.065.116.720
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	161.636.302.683	243.160.238.399
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.050.000.000	4.050.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	20.097.800.402	27.039.285.308
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.128.421.749.115</b>	<b>964.332.707.149</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.128.421.749.115	964.332.707.149
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>49.801.504.137</b>	<b>36.597.871.196</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.886.181.283	5.924.136.519
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		43.915.322.854	30.673.734.677
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.016.595.834.625</b>	<b>1.001.051.706.388</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>156.575.342.955</b>	<b>258.494.442.624</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	6.000.000.000	6.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	150.575.342.955	252.494.442.624
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>507.307.894.099</b>	<b>535.155.102.252</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	459.024.934.048	469.178.485.983
222	Nguyên giá		745.630.943.906	729.272.318.473
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(286.606.009.858)	(260.093.832.490)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	45.466.925.319	63.380.488.955
225	Nguyên giá		60.617.980.784	77.843.685.784
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.151.055.465)	(14.463.196.829)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	2.816.034.732	2.596.127.314
228	Nguyên giá		3.918.842.500	3.359.892.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.102.807.768)	(763.765.186)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn khác</b>		<b>549.441.183</b>	<b>2.195.585.114</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	549.441.183	2.195.585.114
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>341.225.190.786</b>	<b>191.684.934.022</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	305.225.190.786	161.684.934.022
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	21.000.000.000	15.000.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.937.965.602</b>	<b>13.521.642.376</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	10.201.402.786	11.903.609.347
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	736.562.816	1.618.033.029
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.383.020.463.579</b>	<b>3.321.100.589.906</b>

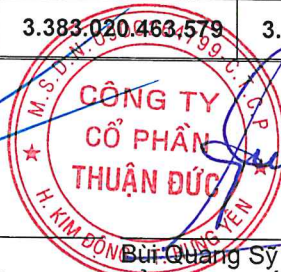
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.553.982.716.609</b>	<b>2.507.373.314.891</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.288.906.511.787</b>	<b>2.219.837.611.500</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	174.439.947.830	162.359.519.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	21.834.017.581	15.797.713.356
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	12.634.115.634	29.226.101.655
314	4. Phải trả người lao động		12.468.897.502	14.564.153.384
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	14.363.170.880	12.449.750.297
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		499.079.373	141.891.821
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.584.819.850	2.146.080.545
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	2.049.082.463.137	1.983.152.401.442
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>265.076.204.822</b>	<b>287.535.703.391</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		2.770.505.381	4.067.622.286
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	262.305.699.441	283.468.081.105
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>829.037.746.970</b>	<b>813.727.275.015</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>829.037.746.970</b>	<b>813.727.275.015</b>
411	1. Vốn cổ phần		755.279.930.000	674.359.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		755.279.930.000	674.359.400.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		(2.497.830.555)	(2.497.830.555)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.200.000.000	16.200.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.055.647.525	125.665.705.570
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		44.970.272.536	31.921.072.153
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		15.085.374.989	93.744.633.417
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.383.020.463.579</b>	<b>3.321.100.589.906</b>

*Thuy*

*Trần Đăng Duy*



*Bùi Quang Sỹ*

Lê Thị Thường  
Người lập

Trần Đăng Duy  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Sỹ  
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.686.364.770.383	1.454.309.568.899
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(16.202.107)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.686.348.568.276	1.454.309.568.899
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.519.657.946.231)	(1.260.811.737.784)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.690.622.045	193.497.831.115
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	39.477.721.523	17.210.854.769
22	7. Chi phí tài chính	24	(111.624.524.861)	(75.708.289.044)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(110.951.794.380)	(73.276.091.044)
24	8. Phần (lãi)/lãi trong công ty liên kết	14.1	(4.959.743.236)	952.156.491
25	9. Chi phí bán hàng	25	(21.849.915.921)	(21.935.124.229)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(32.055.087.371)	(38.039.508.064)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.679.072.179	75.977.921.038
31	12. Thu nhập khác		4.488.831	53.021.594
32	13. Chi phí khác	26	(7.322.063.620)	(1.850.068.301)
40	14. Lỗ khác		(7.317.574.789)	(1.797.046.707)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		28.361.497.390	74.180.874.331
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(12.394.652.188)	(16.977.262.313)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(881.470.213)	(343.739.374)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.085.374.989	56.859.872.644
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	200	753
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33		753

*Uuy*

*Trần Đăng Duy*



Lê Thị Thường  
Người lập

Trần Đăng Duy  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Sỹ  
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>28.361.497.390</b>	<b>74.180.874.331</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		31.924.308.590	30.448.585.144
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.139.005	1.569.652.357
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(25.607.287.574)	(14.091.936.625)
06	Chi phí lãi vay		110.951.794.380	73.276.091.044
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>145.637.451.791</b>	<b>165.383.266.251</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		133.695.143.270	(87.633.948.514)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(164.089.041.965)	57.853.248.875
11	Tăng các khoản phải trả		22.326.046.465	70.823.780.874
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		2.764.592.762	(2.227.452.159)
14	Tiền lãi vay đã trả		(108.579.684.358)	(70.751.125.717)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.930.266.166)	(10.000.000.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.824.241.799</b>	<b>123.447.769.610</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(22.777.622.827)	(133.550.106.151)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		11.000.000.000	1.135.270.348
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(349.060.930.400)	(279.182.175.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		296.246.379.275	184.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(154.500.000.000)	(9.323.741.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000.000	17.675.491.142
27	Tiền thu lãi tiền gửi, ký quỹ, cho vay		38.831.584.700	9.088.722.172
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(80.260.589.252)</b>	<b>(209.656.538.489)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.696.690.972.518	1.292.192.741.048
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.635.526.165.800)	(1.011.900.743.087)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(17.569.253.801)	(6.911.380.848)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>43.595.552.917</b>	<b>273.380.617.113</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(33.840.794.536)	187.171.848.234
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		353.696.089.746	132.141.568.948
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		19.179	14.803.114
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	319.855.314.389	319.328.220.296

*(Signature)*

Lê Thị Thường  
Người lập

*(Signature)*

Trần Đăng Duy  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Sỹ  
Trưởng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thuận Đức (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số 0900264799, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 được cấp ngày 17 tháng 7 năm 2023.

Theo quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán “TDP” đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và chi nhánh tại số 851, khu phố Thủ Từ 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Tổng số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.254 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.309 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên (“Công ty Thuận Đức Hưng Yên”)	100%	100%	Thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có khoản đầu tư vào công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 14.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và công ty con và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### *Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung*

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, nếu Công ty và các công ty con chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần đã được hạch toán trước đây vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá gốc thành phẩm, chi phí sản xuất, kinh doanh dở  
kinh doanh dở dang dang áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác thuộc sở hữu của Công ty và công ty con trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng, giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 28 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 16 năm
Phương tiện vận tải	5 – 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	5 – 8 năm
Phần mềm máy tính	5 – 6 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	8 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và công ty con. Thông thường, Công ty và công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Chênh lệch giữa giá phí chuyển nhượng với giá trị tài sản thuần của Công ty trong công ty liên kết dưới một sự kiểm soát chung được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của Công ty và công ty con trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và công ty con trong trường hợp cần thiết.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu từ bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định theo khu vực địa lý, dựa trên việc bán các sản phẩm trên thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	11.064.483.548	6.656.631.896
Tiền gửi ngân hàng	28.290.830.841	59.839.457.850
Các khoản tương đương tiền (*)	280.500.000.000	287.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>319.855.314.389</b>	<b>353.696.089.746</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 5%/năm - 5,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5%/năm - 5,96%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	394.922.126.125	394.922.126.125	342.107.575.000	342.107.575.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>394.922.126.125</b>	<b>394.922.126.125</b>	<b>342.107.575.000</b>	<b>342.107.575.000</b>
<b>Dài hạn</b>				
Đầu tư trái phiếu (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 9 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 3,0%/năm - 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,4%/năm - 7,5%/năm).

(\*\*) Đầu tư trái phiếu bao gồm khoản trái phiếu có kỳ hạn 7 năm do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên phát hành, lãi suất theo công bố của ngân hàng là từ 6,9%/năm - 7,2%/năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và khoản trái phiếu này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu của khách hàng	168.714.198.042	197.898.409.779
- Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	38.689.950.000	5.445.000.000
- Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Sông Hồng	10.052.900.000	18.320.886.009
- Công ty TNHH Nguyên liệu Thiên Sơn	8.390.072.585	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư MST	5.286.325.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Anh	-	15.438.544.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thái Bình Dương	-	12.890.061.247
- Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Sao Việt	-	11.048.475.000
- Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Phương Duyên	-	7.282.000.000
- Công ty Cổ phần Jastar	-	6.028.807.510
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	-	6.005.733.120
- Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế EMC	-	2.700.000.000
- Ly Eco Pak Limited	-	1.112.490.254
- Các khoản phải thu khách hàng khác	106.294.950.457	111.626.412.639
Phải thu của các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	118.925.634.061	151.166.706.941
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>287.639.832.103</u></b>	<b><u>349.065.116.720</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một số khoản phải thu được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

**6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán ngắn hạn	144.786.580.698	186.006.467.278
- Các hộ kinh doanh (*)	53.983.165.510	59.474.881.871
- Công ty Cổ phần TD IP (*)	36.125.069.413	42.900.218.776
- Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng (*)	26.739.033.830	53.269.303.530
- Các khoản trả trước khác	27.939.311.945	30.362.063.101
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	16.849.721.985	57.153.771.121
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>161.636.302.683</u></b>	<b><u>243.160.238.399</u></b>

(\*) Đây là khoản trả trước cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu và máy móc thiết bị, hưởng lãi suất từ 7,5%/năm - 8%/năm, có thời hạn dưới 1 năm và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay cán bộ nhân viên (*)	4.050.000.000	4.050.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.050.000.000</b>	<b>4.050.000.000</b>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay cán bộ nhân viên (**)	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

(\*) Đây là các khoản cho vay tín chấp các cá nhân là cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên theo chính sách ưu đãi hỗ trợ người lao động, được đảm bảo bằng việc cam kết tiếp tục làm việc cho Công ty, kỳ hạn 12 tháng, với lãi suất 10%/năm và được đảm bảo bằng tiền lương hàng tháng.

(\*\*) Đây là các khoản cho vay tín chấp các cá nhân là cán bộ nhân viên của Công ty theo chính sách ưu đãi hỗ trợ người lao động, được đảm bảo bằng việc cam kết tiếp tục làm việc cho Công ty từ 5 năm trở lên, kỳ hạn theo từng hợp đồng vay, với lãi suất từ 8%/năm - 12%/năm.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	300.000.000	-	300.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	632.519.091	-	5.331.696.969	-
Lãi tiền gửi, ký quỹ và cho vay	16.667.228.822	-	19.734.154.506	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.498.052.489	-	1.673.433.833	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.097.800.402</b>	<b>-</b>	<b>27.039.285.308</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>1.876.925.311</i>	<i>-</i>	<i>1.509.217.475</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>18.220.875.091</i>	<i>-</i>	<i>25.530.067.833</i>	<i>-</i>
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	143.833.420.680	-	243.833.420.680	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.955.356.560	-	4.591.071.655	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ của các khoản thuê tài chính	2.786.565.715	-	4.069.950.289	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.575.342.955</b>	<b>-</b>	<b>252.494.442.624</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>143.833.420.680</i>	<i>-</i>	<i>243.833.420.680</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>6.741.922.275</i>	<i>-</i>	<i>8.661.021.944</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

(i) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

- ▶ Khoản góp vốn 120 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên, Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên – công ty con của Công ty và Công ty cho mục đích góp vốn mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số HĐHTDT/01/2021 ký ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa ba bên, Công ty và công ty con sẽ được chia lợi nhuận sau thuế hoặc chịu lỗ từ dự án theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một phần dự án đã đi vào hoạt động và phần còn lại đang trong quá trình xây dựng.
- ▶ Khoản góp vốn 23,8 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn và Công ty cho mục đích thực hiện dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu”. Theo thỏa thuận góp vốn đầu tư dự án ký ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa hai bên, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế hoặc chịu lỗ từ dự án theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, dự án đang trong quá trình xây dựng.
- ▶ Vào ngày 15 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 1505/2023/NQ-HĐQT-TDP về việc rút vốn đầu tư vào Dự án “Nhà máy sản xuất bao bì Thuận Đức JB” với giá trị là 100 tỷ VND và thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 2508/2022/HĐHTĐT ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Thuận Đức và Công ty Cổ phần Thuận Đức JB trước thời hạn.

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên vật liệu	474.078.895.504	-	333.963.255.228	-
Công cụ, dụng cụ	27.199.268.343	-	30.948.296.517	-
Bán thành phẩm	198.622.052.103	-	167.092.824.458	-
Thành phẩm	428.521.533.165	-	432.328.330.946	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.128.421.749.115</b>	<b>-</b>	<b>964.332.707.149</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một số hàng tồn kho luân chuyển của Công ty và công ty con được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	226.516.761.449	434.922.410.165	53.408.903.029	10.585.766.012	3.838.477.818	729.272.318.473
- Mua trong kỳ	-	1.861.412.818	10.371.000.000	397.629.438	-	12.630.042.256
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.028.583.177	-	-	-	5.028.583.177
- Thanh lý	-	(1.300.000.000)	-	-	-	(1.300.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	226.516.761.449	440.512.406.160	63.779.903.029	10.983.395.450	3.838.477.818	745.630.943.906
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	3.675.974.867	11.101.151.601	14.356.292.207	594.712.597	-	29.728.131.272
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	44.402.085.162	178.448.110.709	32.687.225.624	4.239.006.325	317.404.670	260.093.832.490
- Khấu hao trong kỳ	5.732.902.414	17.276.141.089	2.489.629.335	731.057.862	310.013.630	26.539.744.330
- Thanh lý	-	(27.566.962)	-	-	-	(27.566.962)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	50.134.987.576	195.696.684.836	35.176.854.959	4.970.064.187	627.418.300	286.606.009.858
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	182.114.676.287	256.474.299.456	20.721.677.405	6.346.759.687	3.521.073.148	469.178.485.983
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	176.381.773.873	244.815.721.324	28.603.048.070	6.013.331.263	3.211.059.518	459.024.934.048

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một số tài sản cố định của Công ty và công ty con được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	45.576.907.769	32.266.778.015	77.843.685.784
- Thuê mới trong kỳ	2.632.000.000	-	2.632.000.000
- Thanh lý hợp đồng	-	(19.857.705.000)	(19.857.705.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	48.208.907.769	12.409.073.015	60.617.980.784
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	8.456.752.478	6.006.444.351	14.463.196.829
- Khấu hao trong kỳ	4.103.863.030	941.658.648	5.045.521.678
- Thanh lý hợp đồng	-	(4.357.663.042)	(4.357.663.042)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	12.560.615.508	2.590.439.957	15.151.055.465
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	37.120.155.291	26.260.333.664	63.380.488.955
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	35.648.292.261	9.818.633.058	45.466.925.319

Công ty thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính. Theo các hợp đồng này, Công ty có thể mua lại máy móc thiết bị khi thời hạn thuê hết hạn từ ngày 7 tháng 1 năm 2026 đến ngày 18 tháng 1 năm 2028. Các tài sản thuê tài chính này cũng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản nợ thuê tài chính được trình bày ở Thuyết minh số 20.

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.359.892.500
Mua mới trong kỳ	558.950.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.918.842.500
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	180.200.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	763.765.186
Hao mòn trong kỳ	339.042.582
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.102.807.768
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.596.127.314
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.816.034.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	523.060.739	1.412.655.696
Chi phí xây dựng nhà máy	-	619.727.273
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	26.380.444	163.202.145
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>549.441.183</b>	<b>2.195.585.114</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	305.225.190.786	-	305.225.190.786	-
<b>Đầu tư vào các đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>326.225.190.786</b>	<b>-</b>	<b>326.225.190.786</b>	<b>-</b>
			<b>176.684.934.022</b>	<b>161.684.934.022</b>

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b>Vốn Chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp VND</b>				
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco ("Công ty Thuận Đức Eco")	425.000.000.000	48,9%	425.000.000.000	48,9%

Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco ("Công ty Thuận Đức Eco") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0901027871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2018 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 12 tháng 5 năm 2022. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm từ nhựa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND  
Giá trị đầu tư vào  
Công ty Cổ phần  
Thuận Đức Eco*

**Giá trị đầu tư:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	161.479.951.500
Tăng trong kỳ (*)	148.500.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	309.979.951.500

**Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	204.982.522
Phần lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	(4.959.743.236)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(4.754.760.714)

**Giá trị còn lại**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	161.684.934.022
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	305.225.190.786

(\*) Vào ngày 24 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 2405/2023/NQ-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco. Tổng số cổ phần nhận chuyển nhượng là 4.950.000 cổ phần, với giá trị là 148.500.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, giao dịch đã được hoàn thành và theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco tăng từ 37,3% lên 48,9%.

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Vốn chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp VND	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ vốn sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ vốn sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty Thuận Đức Bim Sơn	100.000.000.000	15%	15%	15%	15%
Công ty Thuận Đức JB (*)	6.000.000.000	2,5%	2,5%	-	-

(\*) Vào ngày 16 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 1605/2023/NQ-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thuận Đức JB. Tổng số cổ phần nhận chuyển nhượng là 500.000 cổ phần, với giá trị là 6.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc thanh toán cho số cổ phần nhận chuyển nhượng và theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Thuận Đức JB là 2,5%.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê kho và biển quảng cáo	2.119.379.031	1.795.574.331
Phí bảo hiểm	563.410.793	1.460.158.966
Chi phí khác	3.203.391.459	2.668.403.222
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.886.181.283</u></b>	<b><u>5.924.136.519</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.024.456.238	8.805.577.040
Chi phí giải phóng mặt bằng	657.354.429	748.134.593
Chi phí khác	2.519.592.119	2.349.897.714
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.201.402.786</u></b>	<b><u>11.903.609.347</u></b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy và Phụ tùng (*)	49.216.860.866	49.216.860.866	16.654.377.690	16.654.377.690
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	14.707.300.000	14.707.300.000	46.246.700.000	46.246.700.000
Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tân Việt Sinh	5.423.625.350	5.423.625.350	5.079.739.500	5.079.739.500
Công ty TNHH Sản Xuất Phụ liệu may Vinazip	4.262.907.880	4.262.907.880	1.308.782.536	1.308.782.53
Các nhà cung cấp khác	100.829.253.734	100.829.253.734	93.069.919.274	93.069.919.274
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>174.439.947.830</u></b>	<b><u>174.439.947.830</u></b>	<b><u>162.359.519.000</u></b>	<b><u>162.359.519.000</u></b>

(\*) Đây là khoản phải trả nhà cung cấp có điều khoản lãi trả chậm với lãi suất tương đương với lãi suất vay ngân hàng và thời hạn 105 ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC** (tiếp theo)

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Mario Co., Ltd	7.216.846.897	1.441.208.940
Các khách hàng khác	14.617.170.684	14.356.504.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.834.017.581</u></b>	<b><u>15.797.713.356</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.930.266.165	12.394.652.188	(28.930.266.166)	12.394.652.187
Thuế thu nhập cá nhân	295.595.490	786.926.989	(899.337.049)	183.185.430
Thuế GTGT	-	147.046.737	(90.768.720)	56.278.017
Thuế khác	240.000	128.631.625	(128.871.625)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.226.101.655</u></b>	<b><u>13.457.257.539</u></b>	<b><u>(30.049.243.560)</u></b>	<b><u>12.634.115.634</u></b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Lãi vay phải trả	11.862.499.062	11.411.576.123
Chi phí tiền điện	1.322.101.625	-
Chi phí phải trả khác	1.178.570.193	1.038.174.174
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.363.170.880</u></b>	<b><u>12.449.750.297</u></b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Bảo hiểm xã hội phải nộp	2.962.478.935	1.592.184.909
Kinh phí công đoàn	319.303.077	241.091.798
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	303.037.838	312.803.838
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.584.819.850</u></b>	<b><u>2.146.080.545</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022				Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Số phát sinh trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá		Giá trị		
	Giá trị	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
<b>Ngắn hạn</b>									
Vay ngân hàng ngắn hạn	1.920.565.420.448	1.686.540.539.480	(1.610.143.005.984)	(603.332.780)	1.996.359.621.164	1.996.359.621.686			
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	48.204.417.246	17.589.853.193	(25.383.159.816)	(22.595.250)	40.388.515.373	40.388.514.851			
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	14.382.563.748	15.521.016.653	(17.569.253.801)	-	12.334.326.600	12.334.326.600			
	<b>1.983.152.401.442</b>	<b>1.719.651.409.326</b>	<b>(1.653.095.419.601)</b>	<b>(625.928.030)</b>	<b>2.049.082.463.137</b>	<b>2.049.082.463.137</b>			
<b>Dài hạn</b>									
Vay ngân hàng dài hạn	26.898.637.222	7.688.000.000	(17.589.853.193)	-	16.996.784.029	16.996.784.029			
Nợ thuế tài chính dài hạn	31.939.443.883	2.649.488.182	(15.521.016.653)	-	19.067.915.412	19.067.915.412			
Trái phiếu phát hành dài hạn	224.630.000.000	1.611.000.000	-	-	226.241.000.000	226.241.000.000			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>283.468.081.105</b>	<b>11.948.488.182</b>	<b>(33.110.869.846)</b>	<b>-</b>	<b>262.305.699.441</b>	<b>262.305.699.441</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	347.953.747.492	347.953.747.492 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 3 năm 2024. Lãi được trả hàng tháng.	9,5% - 9,7% 4,9% - 5,6%	Một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản và hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên	298.941.833.813	298.941.833.813 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 25 tháng 3 năm 2024. Lãi được trả hàng tháng.	8,7% - 9,5%	Một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản và hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	399.682.524.717	399.682.524.717 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 29 tháng 3 năm 2024. Lãi được trả hàng tháng.	5% - 10,15%	Một số hàng tồn kho, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, bất động sản và hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay thuộc sở hữu của Công ty.

(\*) Khoản vay theo hợp đồng hoán đổi lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn** (tiếp theo)

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau (tiếp theo):

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	97.030.643.708	97.030.643.708 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 29 tháng 11 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	8,8% - 11,5%	Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Đại Chúng Trách nhiệm hữu hạn KASIKORNBANK – CN TP. HCM	2.014.005.441	84.872 USD	84.872 USD	5%	
Ngân hàng Đại Chúng Trách nhiệm hữu hạn KASIKORNBANK – CN TP. HCM	99.886.646.140	99.886.646.140 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 3 tháng 11 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	8,16% - 8,51%	Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	69.903.027.124	69.903.027.124 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 28 tháng 3 năm 2024. Lãi được trả hàng tháng.	11,1% - 11,7%	Quyền đòi nợ tối đa là 70 tỷ đồng hình thành trong tương lai của Công ty. Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Hongleong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	68.886.026.162	68.886.026.162 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 11 tháng 12 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	8,2% - 9,5%	Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	67.811.504.594	67.811.504.594 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 12 tháng 11 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	9,11% - 9,41%	Một số hàng tồn kho luân chuyển và hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn** (tiếp theo)

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau (tiếp theo):

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ		
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ninh	49.836.467.529	49.836.467.529 VND	10,8%	Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Sinopacs – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	33.908.285.944	33.908.285.944 VND	9,5% - 10,2%	Các khoản phải thu luân chuyển của Công ty với tổng giá trị 70 tỷ VND. Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng BangKok Bank – Chi nhánh Hà Nội	33.421.671.852	33.421.671.852 VND	6,35%	Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bắc Từ Liêm	19.825.303.900	19.825.303.900 VND	11,2%	Tín chấp.
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	130.909.564.605	130.909.564.605 VND	9%	Các khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển và một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty Thuận Đức Hưng Yên.
Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	41.152.887.634	41.152.887.634 VND	11% - 11,67%	Một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty Thuận Đức Hưng Yên. 4.285.174 cổ phiếu của Công ty Thuận Đức Hưng Yên được nắm giữ bởi các cổ đông cá nhân.

**TỔNG CỘNG**

**1.996.359.621.164**

# Công ty Cổ phần Thuận Đức

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 20.2 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	15.002.806.050	15.002.806.050 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 6 năm 2024. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng.	10,5%	Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên phong – Chi nhánh Thăng Long	5.423.341.156	5.423.341.156 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 9 tháng 2 năm 2027. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng.	13,5% - 14,7%	Các máy móc và thiết bị vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	21.716.478.818	21.716.477.818 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 12 tháng 7 năm 2025. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng.	11,8% - 12,6%	Các máy móc và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty.
	1.160.681.760	48.912 USD		7,3%	Nhà xưởng và một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty Thuận Đức Hưng Yên.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	13.192.440.000	13.192.440.000 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 12 tháng 6 năm 2028. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng.	8,5% - 10,3%	Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị vận tải hình thành từ vốn vay và một số hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên phong	889.551.618	889.551.618 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 5 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	14,2%	Một số phương tiện vận tải của Công ty Thuận Đức Hưng Yên.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.385.299.402</b>				

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả  
- Vay dài hạn

## Công ty Cổ phần Thuận Đức

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.3 Nợ thuế tài chính

Chi tiết khoản nợ thuế tài chính như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Từ 1 năm trở xuống	15.645.202.037	3.310.875.437	12.334.326.600	4.338.276.821	14.382.563.748
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Trên 1-5 năm	26.980.063.567	7.912.148.155	19.067.915.412	11.656.521.963	31.939.443.883
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.625.265.604</b>	<b>11.223.023.592</b>	<b>31.402.242.012</b>	<b>15.994.798.784</b>	<b>46.322.007.631</b>



# Công ty Cổ phần Thuận Đức

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 20.4 Trái phiếu phát hành

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành như sau:

	Giá trị VND	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Lô trái phiếu phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2021 (do Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam bảo lãnh phát hành)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.	<ul style="list-style-type: none"><li>Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty;</li><li>Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo bảng kê trong hợp đồng; và</li><li>Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thường, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.</li></ul>
Lô trái phiếu phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2021 (do Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh Hà Nội bảo lãnh phát hành)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.	<ul style="list-style-type: none"><li>Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty;</li><li>Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh Hà Nội theo bảng kê trong hợp đồng; và</li><li>Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thường, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.</li></ul>
Lô trái phiếu phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2021 (do Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) bảo lãnh phát hành)	30.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.	<ul style="list-style-type: none"><li>Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty;</li><li>Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo bảng kê trong hợp đồng; và</li><li>Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thường, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.</li></ul>

Chi phí phát hành trái phiếu chưa được phân bổ

(3.759.000.000)

**TỔNG CỘNG**

**226.241.000.000**

## Công ty Cổ phần Thuận Đức

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Vốn khác của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	602.109.020.000	(2.497.830.555)	16.200.000.000	104.531.452.151	720.342.641.596
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	56.859.872.644	56.859.872.644
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	602.109.020.000	(2.497.830.555)	16.200.000.000	161.031.324.795	776.842.514.240
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	674.359.400.000	(2.497.830.555)	16.200.000.000	125.665.705.570	813.727.275.015
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	15.085.374.989	15.085.374.989
- Phát hành cổ phiếu thưởng (i)	80.920.530.000	-	-	(80.920.530.000)	-
- Khác	-	-	-	225.096.966	225.096.966
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	755.279.930.000	(2.497.830.555)	16.200.000.000	60.055.647.525	829.037.746.970

(i) Vào ngày 31 tháng 5 năm 2023, Công ty đã nhận được Công văn số 3246/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Phương án phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0905/2023/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 5 năm 2023, và các quy định khác của pháp luật. Tổng số lượng cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức là 8.092.312 cổ phiếu với tổng giá trị phát hành là 80.920.530.000 VND theo Báo cáo kết quả phát hành số 2306/2023/BC-TDP ngày 23 tháng 6 năm 2023 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Số lượng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Số lượng
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>75.527.993</b>	<b>67.435.940</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b> <i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i> Cổ phiếu phổ thông	75.527.993	67.435.940
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	75.527.993	67.435.940

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2022: 10.000 đồng/cổ phiếu).

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.686.364.770.383</b>	<b>1.454.309.568.899</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	1.108.240.366.513	734.710.840.657
Doanh thu bán thành phẩm	574.871.766.999	717.765.528.604
Doanh thu khác	3.252.636.871	1.833.199.638
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(16.202.107)</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.686.348.568.276</b>	<b>1.454.309.568.899</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	1.587.796.752.119	1.305.184.680.844
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	98.551.816.157	149.124.888.055

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi tiền gửi, ký quỹ, cho vay	35.764.659.016	11.267.762.707
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.593.468.392	3.524.545.568
Lãi do thoái vốn tại công ty con	-	1.824.469.462
Khác	1.119.594.115	594.077.032
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.477.721.523</b>	<b>17.210.854.769</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn bán hàng hóa	1.079.528.280.569	710.905.365.748
Giá vốn bán thành phẩm	438.883.839.654	549.294.449.209
Giá vốn khác	1.245.826.008	611.922.827
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.519.657.946.231</u></b>	<b><u>1.260.811.737.784</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền vay	106.180.375.813	69.471.795.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá	672.730.481	2.432.198.000
Lãi mua hàng trả chậm	1.212.032.961	440.591.746
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.611.000.000	1.611.000.000
Lãi thuê tài chính	1.948.385.606	1.752.703.921
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>111.624.524.861</u></b>	<b><u>75.708.289.044</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phân loại lại)</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	4.244.573.448	4.066.569.089
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.664.290.524	793.879.592
Chi phí vận chuyển	9.947.000.474	12.592.640.675
Chi phí khác	5.994.051.475	4.482.034.873
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.849.915.921</u></b>	<b><u>21.935.124.229</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	16.946.183.106	16.452.854.920
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.542.445.397	3.593.318.258
Thuế, phí và lệ phí	897.548.686	654.475.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.221.584.030	8.931.024.450
Chi phí khác	5.447.326.152	8.407.835.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.055.087.371</u></b>	<b><u>38.039.508.064</u></b>

Một số khoản mục trong thuyết minh đã được phân loại lại để trình bày nhất quán giữa các kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lỗi từ thanh lý tài sản	4.500.041.958	-
Các khoản chi phí khác	2.822.021.662	1.850.068.301
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.322.063.620</b>	<b>1.850.068.301</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phân loại lại)</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	1.369.451.579.125	1.165.856.283.132
Chi phí nhân công	94.934.068.646	93.651.817.804
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.924.308.590	30.448.585.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.647.070.930	103.460.510.477
Chi phí khác	26.247.062.777	20.295.927.386
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.598.204.090.068</b>	<b>1.413.713.123.943</b>

Một số khoản mục trong thuyết minh đã được phân loại lại để trình bày nhất quán giữa các kỳ.

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con trong kỳ hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.394.652.188	16.695.825.649
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	281.436.664
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	881.470.213	343.739.374
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.276.122.401</b>	<b>17.321.001.687</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.080.706.888</b>	<b>74.180.874.331</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con	5.216.141.378	14.836.174.866
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí khấu hao vượt ngưỡng được khấu trừ	226.630.772	336.670.358
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	6.138.633.541	2.092.743.786
Các chi phí không được khấu trừ khác	340.800.771	70.185.682
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế	-	219.780.973
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	281.436.664
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	(139.517.249)	-
Điều chỉnh khác	1.493.433.188	(515.990.642)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>13.276.122.401</b>	<b>17.321.001.687</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty và công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Lãi chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	736.562.816	1.618.033.029	(881.470.213)	(343.739.374)
	<b>736.562.816</b>	<b>1.618.033.029</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(881.470.213)</b>	<b>(343.739.374)</b>

**28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Chi phí lãi vay không được khấu trừ**

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ theo nghị định 132/2020/NĐ-CP sang kỳ tính thuế tiếp theo trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể khấu trừ đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ khi tính thuế	Đã khấu trừ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Không được khấu trừ	Chưa khấu trừ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
2020	2025	3.988.662.375	-	-	3.988.662.375
2021	2026	4.383.883.770	-	-	4.383.883.770
2022	2027	20.194.430.600	-	-	20.194.430.600
2023	2028	30.693.167.704	-	-	30.693.167.704
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>59.260.144.449</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>59.260.144.449</b>

Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và công ty con cho các năm tài chính trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Công ty cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Bà Bùi Thị Hằng	Kế toán trưởng (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Trần Đăng Duy	Kế toán trưởng (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Đức Chính	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Hoàng Anh	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày mục thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	59.739.046.500	139.298.227.150
		Bán vật tư	1.245.426.400	684.938.900
		Cung cấp dịch vụ	2.370.532.074	1.689.298.518
		Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	59.904.320.450	80.527.061.125
		Chi phí gia công	4.994.276.350	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Bán hàng hóa	37.567.343.257	35.809.174.886
		Cung cấp dịch vụ	1.335.836.000	1.357.826.000
		Mua nguyên vật liệu	26.332.674.000	40.031.146.364
		Doanh thu tài chính	422.007.867	586.678.316
		Lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh được chia	551.000.566	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Thu hồi vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc	Công ty có quan hệ với Chủ tịch HĐQT	Mua vật tư	2.589.942.089	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	20.391.741.000
		Cho vay	-	56.000.000.000
		Lãi cho vay	-	609.315.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài</i>	<i>Cho giai đoạn tài</i>
			<i>chính sáu tháng kết</i>	<i>chính sáu tháng kết</i>
			<i>thúc ngày 30 tháng</i>	<i>thúc ngày 30 tháng</i>
			<i>6 năm 2023</i>	<i>6 năm 2022</i>
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	88.500.000.000	-
		Chi hộ	170.000.000	-
		Thu hồi công nợ	-	592.000.000
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	Nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	6.000.000.000	-
		Nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	6.000.000.000	-
		Hoàn ứng	-	1.600.000.000
Bà Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc	Nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	27.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Chính	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	27.000.000.000	-
		Chi hộ tiền bảo hiểm	225.000.000	-
Ông Ngô Hoàng Anh	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Chi hộ tiền bảo hiểm	805.000.000	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá thỏa thuận trên hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản vay và cho vay có lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: không lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	64.654.227.450	96.736.470.823
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Bán hàng hóa	54.271.406.611	54.430.236.118
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>118.925.634.061</b>	<b>151.166.706.941</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</b>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	16.844.728.570	23.810.668.430
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	4.993.415	33.343.102.691
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>16.849.721.985</b>	<b>57.153.771.121</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	406.925.311	996.467.242
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	270.000.000	270.000.000
Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	234.056.058
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	170.000.000	115
Bà Bùi Thị Hằng	Kế toán trưởng đến ngày 26 tháng 4 năm 2023	Tạm ứng	-	1.900.000
Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên trong HĐQT, Ban Giám đốc	Phải thu khác	-	6.794.060
Ông Nguyễn Đức Chính	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Phải thu về chi hộ	225.000.000	-
Ông Ngô Hoàng Anh	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Phải thu về chi hộ	805.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.876.925.311</b>	<b>1.509.217.475</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	120.000.000.000	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	23.833.420.680	23.833.420.680
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>143.833.420.680</b>	<b>243.833.420.680</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	505.308.000	475.000.000
Ông Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	475.308.000	406.200.000
Bà Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc đến ngày 22 tháng 5 năm 2023	90.000.000	237.177.376
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	475.308.000	441.000.000
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	90.000.000	66.000.000
Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên HĐQT	90.000.000	66.000.000
Ông Trần Đăng Duy	Thành viên HĐQT từ ngày 28 tháng 4 năm 2023/Phó Tổng Giám đốc từ ngày 5 tháng 4 năm 2023	180.000.000	-
Ông Trần Văn Huỳnh	Thành viên HĐQT từ ngày 24 tháng 4 năm 2022 đến ngày 20 tháng 6 năm 2022	-	15.000.000
Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2022	-	36.000.000
Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2022	-	36.000.000
Ông Bùi Huy Hoàng	Trưởng ban Kiểm soát	60.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên ban Kiểm soát	10.000.000	10.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên ban Kiểm soát	48.000.000	16.000.000
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên ban Kiểm soát	30.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.053.924.000</b>	<b>1.834.377.376</b>

## Công ty Cổ phần Thuận Đức

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý nơi Công ty và công ty con cung cấp sản phẩm. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con được tổ chức và quản lý theo khu vực địa lý nơi Công ty và công ty con cung cấp sản phẩm với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và công ty con như sau:

#### Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

	Xuất khẩu	Nội địa	Đơn vị tính: VND
Doanh thu			Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	265.771.249.045	1.420.577.319.231	1.686.348.568.276
Giá vốn các bộ phận	(198.783.026.818)	(1.320.874.919.413)	(1.519.657.946.231)
Kết quả	66.988.222.227	99.702.399.818	166.690.622.045
Lợi nhuận gộp của bộ phận			(138.329.124.655)
Chi phí không phân bổ (*)			28.361.497.390
Lợi nhuận trước thuế			(13.276.122.401)
Chi phí thuế TNDN			<b>15.085.374.989</b>
Lợi nhuận thuần sau thuế			
Tài sản và công nợ			287.639.832.103
Tài sản bộ phận	14.814.600.374	272.825.231.729	3.095.380.631.476
Tài sản không phân bổ (**)			<b>3.383.020.463.579</b>
Tổng tài sản			2.553.982.716.609
Công nợ không phân bổ (**)			<b>2.553.982.716.609</b>
Tổng công nợ			

(\*) Chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

(\*\*) Tài sản và công nợ phải trả của Công ty và công ty con được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận.

## Công ty Cổ phần Thuận Đức

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo địa lý của Công ty và công ty con như sau (tiếp theo):

#### Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

	Xuất khẩu	Nội địa	Đơn vị tính: VND
Doanh thu			Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	327.885.922.417	1.126.423.646.482	1.454.309.568.899
Giá vốn các bộ phận	(240.920.628.606)	(1.019.891.109.178)	(1.260.811.737.784)
Kết quả	86.965.293.811	106.532.537.304	193.497.831.115
Lợi nhuận gộp của bộ phận			(119.316.956.784)
Chi phí không phân bổ (*)			74.180.874.331
Lợi nhuận trước thuế			(17.321.001.687)
Chi phí thuế TNDN			<b>56.859.872.644</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>			
Tài sản và công nợ			376.247.462.726
Tài sản bộ phận	39.976.599.323	336.270.863.403	2.774.599.514.654
Tài sản không phân bổ (**)			<b>3.150.846.977.380</b>
<b>Tổng tài sản</b>			<b>2.374.004.463.140</b>
Công nợ không phân bổ			<b>2.374.004.463.140</b>
<b>Tổng công nợ</b>			<b>2.374.004.463.140</b>

(\*) Chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

(\*\*) Tài sản của Công ty và công ty con được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	182.020,95	219.420
- Euro (EUR)	1.219,71	7.944

**32. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty thuê kho và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm	9.587.913.120	9.951.884.400
Trên 1 - 5 năm	6.016.706.000	12.760.542.200
Trên 5 năm	<u>7.898.228.000</u>	<u>8.048.459.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.502.847.120</u></b>	<b><u>30.760.885.600</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty cho thuê máy móc, ô tô, kho và văn phòng theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm	<u>2.444.263.638</u>	<u>2.501.439.276</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.444.263.638</u></b>	<b><u>2.501.439.276</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.085.374.989	56.859.872.644
Điều chỉnh giảm do chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15.085.374.989</b>	<b>56.859.872.644</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>15.085.374.989</b>	<b>56.859.872.644</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	75.527.993	75.527.993
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>75.527.993</b>	<b>75.527.993</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	200	753
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	200	753

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2023.

Ngoài ra, không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Lê Thị Thường  
Người lập

Trần Đăng Duy  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Sỹ  
Tổng Giám đốc



Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2023